

ĐỀ ÁN
tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na
cho người dân tộc thiểu số, cán bộ, công chức, viên chức
và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

Kon Tum là tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), trên địa bàn có 42 DTTS sinh sống (tỷ lệ 53,25% dân số của tỉnh)¹, có 7 dân tộc tại chỗ, gồm Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Giê-Triêng, Brâu, Rơ Măm và Hre (Hre), trong đó 2 dân tộc Brâu và Rơ Măm được công nhận là dân tộc rất ít người. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo tồn và phát huy ngôn ngữ các DTTS và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội của tỉnh đã được triển khai sâu rộng.

Trường Cao đẳng Kon Tum được thành lập² và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum và Trường Trung cấp Nghề Kon Tum. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ một phần chi thường xuyên, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN), trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kon Tum, có nhiệm vụ: Đào tạo theo 3 cấp trình độ cao đẳng (có ngành đào tạo giáo viên³), trung cấp và sơ cấp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo, hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo; tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác bồi dưỡng cho người DTTS; cán bộ, công chức, viên chức,... đang công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần thiết. Nhất là công tác bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công

¹ Ban dân tộc tỉnh Kon Tum - Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số, năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

² Quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp Nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 16/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum.

³ Đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội được xem là một trong những khâu đột phá, quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh Kon Tum nói riêng, các địa phương thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi trong cả nước nói chung. Mặt khác, DTTS Ba Na là nhóm DTTS có số dân đông đứng thứ 2 trong 7 dân tộc tại chỗ của tỉnh Kon Tum; ngôn ngữ DTTS Ba Na được nhà trường tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội của tỉnh từ năm 2009 đến nay dựa trên các bộ tài liệu đã được UBND tỉnh Kon Tum ban hành, cụ thể:

- Năm 2009, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định phê duyệt bộ tài liệu tiếng dân tộc Giê-Triêng và được bổ sung, chỉnh sửa theo Chương trình khung tại Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2009;

- Năm 2014, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định phê duyệt bộ tài liệu dạy tiếng dân tộc Ba Na cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014.

Ngoài ra, hiện nay nhu cầu bồi dưỡng tiếng DTTS từ Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁴ xác định nhu cầu tổ chức dự kiến khoảng 10 lớp bồi dưỡng tiếng DTTS cho 497 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số; điều kiện đối với cơ sở bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số:

“Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đội ngũ giảng viên có trình độ đại học trở lên thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam đồng thời có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hoá dân tộc thiểu số phù hợp với chương trình dự kiến tổ chức đào tạo, bồi dưỡng;

- Chương trình chi tiết và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng theo Chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Cơ sở vật chất, thư viện, phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

- Có đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.”

Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT, quy định:

⁴ Kế hoạch số 4362/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025

“Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục dân tộc) về đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số để kiểm tra, xác minh. Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo việc đủ điều kiện để các đơn vị triển khai thực hiện đề án.”

Tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT, quy định:

“Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết tài liệu đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; tổ chức thực hiện đề án sau khi có thông báo đủ điều kiện của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo các quy định hiện hành về quản lý văn bằng chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.”

Xuất phát từ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁵, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và năng lực, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường thì việc xây dựng Đề án **“Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na cho người dân tộc thiểu số, cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội”** cho đội ngũ người đồng bào DTTS, cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi là cần thiết.

2. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích

Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của công chức, viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước.

Đáp ứng yêu cầu cấp bách của công tác quản lý và phát triển KT-XH, giữ gìn an ninh, quốc phòng của địa phương; bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội công tác ở các vùng có đồng bào DTTS biết tiếng dân tộc để giao tiếp và sử dụng trong công tác.

b) Yêu cầu

Chương trình bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na cho người DTTS; cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, giúp người học biết tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc, có khả năng giao tiếp bằng tiếng dân tộc Ba Na (nghe, nói tương đối tốt trong giao tiếp thông thường; đọc, viết được) và có những hiểu biết cần thiết về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào DTTS Ba Na.

⁵ Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Tuân thủ các quy định chung về bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân và các chính sách hiện hành về dạy và học tiếng DTTS.

Đảm bảo điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS về tiêu chuẩn đội ngũ nhà giáo, chương trình, tài liệu đào tạo, cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ dạy học theo quy định.

Việc tổ chức bồi dưỡng đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện và tính đặc thù ở tỉnh Kon Tum.

3. Căn cứ xây dựng Đề án

Quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum; Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum.

Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về tổ chức lại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025”;

Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP;

Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;

Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt bộ tài liệu tiếng dân tộc Ba Na cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kon Tum;

Kế hoạch số 4325/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI TRƯỜNG

1. Đội ngũ giảng viên

Về đội ngũ viên chức toàn Trường: Tính đến ngày 10/5/2023, Trường có 238 người. Trong đó: Biên chế 208 người, hợp đồng lao động 28 người, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP 2 người; cán bộ quản lý 39 người (trong đó tham gia giảng dạy 38 người), nhà giáo 162, nhân viên 73; trình độ chuyên môn: 3 tiến sĩ, 119 thạc sĩ, 86 đại học, 5 cao đẳng, 12 trung cấp, 1 sơ cấp, 12 lao động phổ thông.

Nhà trường hợp đồng thỉnh giảng nhà giáo ngoài trường đủ điều kiện, tiêu chuẩn, chuyên môn nghiệp vụ tham gia giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số Ba Na tại Trường.

Về cơ cấu tổ chức: Trường gồm có Ban Giám hiệu 4 người (Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng), 7 phòng chức năng gồm: Phòng Tổng hợp - Hành chính và Quản trị, Phòng Tổ chức cán bộ và Công tác học sinh - sinh viên, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác phát triển, Phòng Khởi nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp và 7 khoa chuyên môn gồm: Khoa các Khoa học cơ bản,

Khoa Sư phạm, Khoa Y - Dược, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa Kinh tế và Nông Lâm, Khoa Ngoại ngữ - Tin học và Học liệu, Khoa Đào tạo và Sát hạch lái xe.

2. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng

Căn cứ Quyết định 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số; Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt bộ tài liệu tiếng dân tộc Ba Na cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kon Tum.

Nhà trường đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo tiếng Ba Na tại Quyết định số 566/QĐ-CĐCĐ ngày 18/7/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo tiếng Ba Na; Quyết định số 501/QĐ-CĐCĐ ngày 09/6/2023 về việc ban hành chương trình chi tiết, tài liệu đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số Ba Na; lựa chọn tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na cho cán bộ, công chức, viên chức (*có chương trình và tài liệu bồi dưỡng kèm theo*).

3. Cơ sở vật chất

Trường có tổng diện tích đất: 293.521 m² (29,3 ha), được bố trí như sau:

- Khu làm việc, giảng dạy và học tập tại Trụ sở chính: Số 14 đường Nguyễn Như Kon Tum, Tổ 3, Phường Ngô mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum: 66.639 m².

- Khu học tập và giảng dạy tại Khoa Y - Dược: Số 347 đường Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum: 1.742 m².

- Khu học tập và giảng dạy tại Khoa Kỹ thuật - Công nghệ và các Trung tâm: Đường Trương Vĩnh Ký, Tổ 2, Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum: 57.952 m².

- Khu thực nghiệm tại Khoa Kinh tế - Nông Lâm và Khu thực nghiệm: Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 10, Phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum: 167.188 m².

Diện tích hạng mục các công trình đã xây dựng cụ thể (*Có bảng Phụ lục I kèm theo*).

4. Tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng bồi dưỡng dân tộc thiểu số Ba Na

4.1. Trường Cao đẳng Kon Tum (Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum trước đây) là Trường cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên⁶, được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ dạy và cấp chứng chỉ tiếng DTTS, quy định cụ thể tại các văn bản sau:

⁶ Đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Công văn số 7899/BGDĐT-GDDT ngày 08/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc tại Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum;

Quyết định số 1449/QĐ-BGDĐT ngày 06/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng Jrai và Ba Na trong các trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên cho Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum;

Báo cáo số 185/BC-CĐCĐ ngày 22/9/2022 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về hồ sơ năng lực bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức viên chức.

4.2. Trường Cao đẳng Kon Tum có phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên trách tham mưu về công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục.

4.3. Trường Cao đẳng Kon Tum kinh nghiệm hơn 10 năm thực hiện nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kon Tum. Giai đoạn 2012 - 2022, nhà trường⁷ đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na cho 1.482 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum đáp ứng yêu cầu công tác tại vùng đồng bào DTTS, góp phần phát triển KT-XH, giữ vững an ninh, quốc phòng địa phương. Cụ thể:

Năm thực hiện	Bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng DTTS Ba Na cho cán bộ, công chức, viên chức
Năm 2012	101
Năm 2014	151
Năm 2015	141
Năm 2016	73
Năm 2017	130
Năm 2018	166
Năm 2019	81
Năm 2020	203
Năm 2021	266
Năm 2022	170
Tổng cộng:	1.482

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na cho người DTTS, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, cơ sở vật chất hiện có của nhà trường; đẩy mạnh công tác bồi

⁷ Căn cứ Công văn số 7899/BGDĐT-GDDT ngày 08/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc tại Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum nay là Trường Cao đẳng Kon Tum.

dưỡng tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi theo Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020.

Đảm bảo các quy định chung về bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá cấp chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân và các chính sách hiện hành về tổ chức đào tạo tiếng dân tộc thiểu số theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt 90%.

- Đến năm 2030, bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt 100%.

- Đến năm 2050, đào tạo, bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt 100%.

- Đảm bảo điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS về tiêu chuẩn đội ngũ nhà giáo, chương trình, tài liệu đào tạo, cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ dạy học theo quy định.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển đội ngũ nhà giáo

- Về số lượng: Đội ngũ nhà giáo cơ hữu thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam đủ điều kiện tham gia giảng dạy chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng DTTS là 3 người⁸. Trong đó:

- Về chất lượng nhà giáo cơ hữu: Nhà giáo có trình độ chuyên môn, gồm: 1 thạc sĩ, 2 đại học (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

2. Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na

2.1. Chương trình chi tiết bồi dưỡng tiếng Ba Na cho người DTTS, cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội

Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các chương trình khung dạy tiếng DTTS số Ba Na (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

⁸ Điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2023/TT-BGD&ĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số quy định về điều kiện đối với cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên phải đáp ứng các điều kiện: “*Đội ngũ giảng viên có trình độ đại học trở lên thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam đồng thời có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với chương trình dự kiến tổ chức đào tạo, bồi dưỡng*”.

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-CĐCĐ ngày 18/7/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Chương trình đào tạo tiếng Ba Na; Quyết định số 501/QĐ-CĐCĐ ngày 09/6/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình chi tiết, tài liệu đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số Ba Na; lựa chọn tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na cho cán bộ, công chức, viên chức. Chương trình, tài liệu đào tạo này đáp ứng đầy đủ các quy định về trang bị kiến thức, kỹ năng cho người DTTS, cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình bồi dưỡng tiếng DTTS đã được nhà trường ban hành:

- Tên chương trình: Bồi dưỡng tiếng DTTS (tiếng Ba Na).
- Thời gian đào tạo: Từ 3-6 tháng.
- Đối tượng: Công dân Việt Nam là người DTTS; cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.
- Hình thức tổ chức đào tạo: Tổ chức bồi dưỡng theo hình thức tập trung; bán tập trung hoặc từ xa.
- Mục tiêu tổng quát:

Bồi dưỡng tiếng DTTS (tiếng Ba Na) giúp người học biết tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS Ba Na, có khả năng giao tiếp bằng tiếng DTTS Ba Na (nghe, nói tương đối tốt trong giao tiếp thông thường; đọc, viết được) và có những hiểu biết cần thiết về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Ba Na.

- Khối lượng bồi dưỡng toàn khoá: 350 tiết.

Nội dung chương trình chi tiết (*phần Phụ lục V kèm theo*)

2.2. Tài liệu bồi dưỡng tiếng Ba Na cho người DTTS, cán bộ, công chức, viên chức

Căn cứ Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số”, Công văn số 3060/BNV-ĐT ngày 26/8/2013 của Bộ Nội vụ về việc “Biên soạn, chỉnh sửa tài liệu dạy tiếng Dân tộc cho cán bộ công chức”, Quyết định số 527/QĐ-CT ngày 15/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban biên soạn, chỉnh sửa tài liệu dạy tiếng dân tộc Ba Na; Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt bộ tài liệu dạy tiếng dân tộc Ba Na cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kon Tum.

Nội dung bộ tài liệu gồm 10 chương và 10 bài ôn tập chương theo 10 chủ đề, cụ thể:

- | | |
|---------------------------------------|---------|
| Chương I. Gia đình và dòng tộc | (6 bài) |
| Chương II. Xóm – làng | (6 bài) |
| Chương III. Thiên nhiên và môi trường | (6 bài) |

Chương IV. Truyền thống văn hóa dân tộc	(6 bài)
Chương V. Đất nước, con người Việt Nam	(6 bài)
Chương VI. Đảng và Bác Hồ	(6 bài)
Chương VII. Lao động sản xuất	(6 bài)
Chương VIII. Khoa học và giáo dục	(6 bài)
Chương IX. Chăm sóc sức khỏe	(6 bài)
Chương X. Bảo vệ Tổ quốc	(6 bài)

(có Tài liệu kèm theo)

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ bồi dưỡng

Nhà trường có khu giảng đường có hệ thống phòng học đầy đủ máy, thiết bị nghe, nhìn phục vụ cho việc dạy và học. Trong đó có các phòng học đa phương tiện, chuyên dùng đào tạo ngoại ngữ và tiếng DTTS Ba Na.

Thư viện Trường có quy mô phục vụ khoảng 100 chỗ ngồi, có 2 phòng máy tính kết nối internet. Tổng số sách hiện nay gần 70.000 bản và nhiều loại hình báo, tạp chí khác. Thư viện có hệ thống cung cấp internet và kết nối mạng wifi phục vụ nghiên cứu, học tập. Ngoài ra, Trường có hệ thống thư viện số và liên kết với thư viện các trường đại học, cao đẳng, các trung tâm thông tin – học liệu trong cả nước để chia sẻ nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu tra cứu, đăng tải tài liệu, phục vụ cho giảng dạy và học tập.

Địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tổ bồi dưỡng, cụ thể như sau:

TT	Địa điểm đào tạo, bồi dưỡng/tổ chức thi	Tên phòng	Diện tích/phòng (m ²)	Số chỗ ngồi	Thiết bị máy móc phục vụ bồi dưỡng/tổ chức thi
1.	Trụ sở chính Địa chỉ: Số 14 Ngụy Như Kon Tum, Tổ 3, Phường Ngô Máy, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	8 phòng học khu giảng đường B (gồm: B205, B206, B207, B208, B309, B310, B311, B312)	100	50	Máy chiếu Projector/ti vi, loa phát MP3 (phục vụ thi nghe)
2.	Khoa Y – Dược Địa chỉ: Số 347 Bà Triệu, phường Quyết	Hội trường A	90	100	Máy chiếu Projector/Ti vi, loa phát MP3 (phục vụ thi nghe)

TT	Địa điểm đào tạo, bồi dưỡng/tổ chức thi	Tên phòng	Diện tích/phòng (m ²)	Số chỗ ngồi	Thiết bị máy móc phục vụ bồi dưỡng/tổ chức thi
3.	Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	3 phòng học (gồm: 3C, 3D, 3E)	50	40	Máy chiếu Projector/Ti vi, loa phát MP3 (phục vụ thi nghe)

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Quy mô tuyển sinh: 400 người học/năm.

5. Đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh vào học chương trình bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na: Công dân Việt Nam là người DTTS; cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

6. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

7. Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn đăng ký.
- Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi công tác đối với người đăng ký bồi dưỡng.
- Bản sao văn bằng chuyên môn cao nhất (có công chứng).
- Bản sao CCCD/CMND (có công chứng).

8. Hình thức tổ chức chương trình bồi dưỡng: Theo hình thức tập trung, bán tập trung.

9. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập, thi cuối khoá

9.1. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập

Nhà trường tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ để đánh giá quá trình học tập của người học trong quá trình bồi dưỡng:

- Mỗi cụm bài (khoảng 30 - 45 tiết) phải có bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình chi tiết bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na.

- Các nội dung khác trong quá trình học tập, người dạy căn cứ vào nội dung giảng dạy để đánh giá người học theo yêu cầu của chương trình bồi dưỡng.

9.2. Thi cuối khoá

a) Người học dự thi cuối khoá cần đảm bảo các điều kiện sau:

- Đạt điểm trung bình chung các bài kiểm tra (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2) từ 5,0 trở lên tính theo thang điểm 10, không có bài kiểm tra nào dưới 2,0 điểm.

- Không nghỉ học quá 20% số tiết so với tổng số tiết của chương trình bồi dưỡng tương ứng.

b) Bài thi cuối khóa có lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định tại Chương trình khung tiếng DTTS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Thời gian thi cuối khóa đối với chương trình bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na là 90 phút cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết;

c) Nhà trường tổ chức thi cuối khóa cho người học hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếng DTTS theo quy định:

- Thành lập Hội đồng thi cuối khóa (gọi tắt là Hội đồng) và các Ban giúp việc cho Hội đồng thi cuối khóa để tổ chức thi cuối khóa.

- Hội đồng có nhiệm vụ xét điều kiện dự thi cuối khóa, xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp cho người học đạt kết quả trong kỳ thi cuối khóa.

- Các Ban giúp việc của Hội đồng thi thực hiện các nội dung thi cuối khóa được phân công và giúp Hội đồng thực hiện tổ chức thi theo đúng quy định hiện hành.

9.3. Đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập cuối khóa

a) Người học có điểm thi cuối khóa từ 5,0 trở lên thì được đánh giá hoàn thành chương trình bồi dưỡng.

b) Xếp loại kết quả học tập được ghi trong chứng chỉ cấp cho người học căn cứ vào điểm trung bình chung toàn khóa theo thang điểm 10, trong đó: Điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2, điểm thi cuối khóa có hệ số 3. Xếp loại cụ thể như sau:

- Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 8,0 đến 10 điểm, xếp loại: Giỏi;

- Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 6,5 đến dưới 8,0 điểm, xếp loại: Khá;

- Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 5,0 đến dưới 6,5 điểm, xếp loại: Trung bình.

c) Người học có điểm thi cuối khóa dưới 5,0 thì được bảo lưu các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ và được phép thi lại 01 lần để đánh giá hoàn thành chương trình.

10. Quản lý và cấp chứng chỉ

10.1. Người học được đánh giá hoàn thành chương trình thì được cấp chứng chỉ.

10.2. Chứng chỉ tiếng DTTS Ba Na được cấp cho người học hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na.

10.3. Quản lý, cấp chứng chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo chịu trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng nhà trường trong việc quản lý, cấp chứng chỉ bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na cho người học đã hoàn thành chương trình đào tạo và thi đạt trong kỳ thi cuối khoá do nhà trường tổ chức.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý Đào tạo

Là đơn vị chủ trì tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện Đề án; có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc xây dựng, cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na; thường xuyên báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện trực tiếp với Hiệu trưởng việc quản lý bồi dưỡng tiếng DTTS.

Phối hợp với các đơn vị thuộc Trường tổ chức tuyển sinh, quản lý đào tạo, quản lý cấp phát chứng chỉ bồi dưỡng tiếng DTTS theo quy định.

Phối hợp với khoa Sư phạm và nhà giáo tổ chức xây dựng, rà soát cập nhật chương trình, tài liệu giảng dạy tiếng DTTS.

Chủ trì báo cáo kết quả bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tiếng DTTS về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 12 hằng năm.

2. Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng

Chủ trì trong việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổ chức thi cuối khoá bồi dưỡng tiếng DTTS theo quy định.

3. Khoa Sư phạm

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Trường liên quan tham mưu đội ngũ nhà giáo giảng dạy; tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS.

Phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ và Công tác học sinh – sinh viên và các đơn vị thuộc Trường có liên quan thường xuyên rà soát đội ngũ nhà giáo và cử đi học tập, bồi dưỡng về tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS.

Chủ trì, phối hợp với phòng Quản lý Đào tạo tổ chức xây dựng, rà soát cập nhật chương trình, tài liệu giảng dạy tiếng DTTS.

Chủ trì, phối hợp với phòng Tổng hợp - Hành chính và Quản trị và các đơn vị có liên quan trong việc tham mưu cho Hiệu trưởng bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động tổ chức bồi dưỡng.

4. Phòng Tổng hợp - Hành chính và Quản trị

Chủ trì, phối hợp với khoa Sư phạm và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Hiệu trưởng bố trí cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho hoạt động của tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS.

5. Phòng Tài chính – Kế toán

Chủ trì, phối hợp với khoa Sư phạm, phòng Quản lý Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, học phí, lệ phí,... tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na.

Chủ trì, phối hợp tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc thanh quyết toán hợp đồng thỉnh giảng, kinh phí giảng dạy cho nhà giáo, kinh phí bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo học tập, bồi dưỡng phục vụ tổ chức đào tạo tiếng DTTS.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương đủ về số lượng; có cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn phù hợp; có năng lực nghề nghiệp, trình độ, kiến thức, kỹ năng; chủ động, sáng tạo trong công việc phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH nhanh và bền vững của tỉnh. Việc bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội là rất cần thiết.

Với kinh nghiệm đã có và năng lực hiện tại, Trường Cao đẳng Kon Tum đáp ứng tốt các yêu cầu về tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na (theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) cho người DTTS; cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi ở tỉnh Kon Tum.

2. Kiến nghị

Căn cứ vào sự cần thiết, cơ sở pháp lý về tổ chức bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na, Trường Cao đẳng Kon Tum kiến nghị:

Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét Đề án “Tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na cho người dân tộc thiểu số, cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội” của Trường Cao đẳng Kon Tum nhằm giúp cho Trường đủ điều kiện để triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng mà Tỉnh ủy và UBND tỉnh Kon Tum đã giao cho Trường trong công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực cho tỉnh Kon Tum.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải

Phụ lục I

**ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM**

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng				Tổng cộng
			Trụ sở chính	Khoa Kinh tế - Nông Lâm và Khu thực nghiệm	Khoa Y - Dược	Khoa Kỹ thuật- Công nghệ và các Trung tâm	
I	Diện tích đất sử dụng	m²	66.639,26	167.188,5	1.742,2	57.952,0	293.521,96
1.	Diện tích đất xây dựng	m ²	7.981,0	1.500,0	1.451,0	7.567,0	18.499,0
2.	Diện tích đất lưu không	m ²	58.658,26	165.688,5	291,2	50.385,0	275.022,96
II	Diện tích sàn xây dựng						
1.	Khu hiệu bộ	m ²	1.640			1.450	3.090,0
	Phòng học lý thuyết						
2.	Số phòng	phòng	22	03	05	13	43
	Diện tích	m ²	3.344	144	275	1.310	5.073,0
3.	Phòng, xưởng thực hành						

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng				Tổng cộng
			Trụ sở chính	Khoa Kinh tế - Nông Lâm và Khu thực nghiệm	Khoa Y - Dược	Khoa Kỹ thuật- Công nghệ và các Trung tâm	
	Phòng, xưởng thực hành nghề						
3.1	Số phòng	phòng				08	08
	Diện tích	m ²				13.144	13.144,0
	Phòng thí nghiệm						
3.2	Số phòng	phòng	02	04	05		11
	Diện tích	m ²	195	78	240		513,0
	Phòng học máy tính						
3.3	Số phòng	phòng	03		03	02	08
	Diện tích	m ²	200		144	80	424
	Phòng học ngoại ngữ						
3.4	Số phòng	phòng	02				02
	Diện tích	m ²	100				100

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng			Tổng cộng	
			Trụ sở chính	Khoa Kinh tế - Nông Lâm và Khu thực nghiệm	Khoa Y - Dược		Khoa Kỹ thuật- Công nghệ và các Trung tâm
4.	Thư viện	m ²	724			151	875
	Ký túc xá						
5.	Số phòng	phòng	80			40	120
	Diện tích	m ²	3.516			1.940	5.456
6.	Nhà khách	m ²	823			494	1.317
7.	Nhà ăn	m ²	428			335	763
8.	Hội trường	m ²	848		250	763	1.861
	Các phân khu khác						
9.	Nhà thi đấu đa năng	m ²	726				726
	Sân vận động	m ²	4.800			3.375	8.17

Phụ lục II
DANH SÁCH NHÀ GIÁO CƠ HỮU THAM GIA GIẢNG DẠY TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ	Chuyên môn	Nghị quyết vụ sự phạm	Chứng chỉ tiếng DTTS	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Hạnh	28/6/1984	Giảng viên	Giảng viên CDSP (hạng III)	Đại học	Tổng hợp Ngữ văn	NVSP giảng viên ĐH, CĐ	Tiếng Ba Na, tiếng Lào	
2.	Trần Thị Hằng	10/8/1988	Giảng viên	Giảng viên CDSP (hạng III)	Đại học	Tổng hợp Ngữ văn	NVSP giảng viên ĐH, CĐ	Tiếng Ba Na, tiếng Lào	
3.	Nguyễn Thị Hương	20/5/1980	Phó trưởng khoa	Giảng viên CDSP (hạng II)	Thạc sĩ	Văn học	NVSP giảng viên ĐH, CĐ	Tiếng Ba Na, tiếng Lào	

Danh sách này có: 3 nhà giáo.

Phụ lục III
CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG TIẾNG
DÂN TỘC THIỂU SỐ BA NA
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG TIẾNG
DÂN TỘC THIỂU SỐ BA NA

I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương trình, học viên đạt được những mục tiêu sau:

1. Kiến thức

- Có vốn từ ngữ nhất định (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ, câu đố) theo các chủ đề học tập và xác định được các hiện tượng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đa nghĩa bằng tiếng Ba Na ở tỉnh Kon Tum.
- Trình bày được một số mẫu câu đơn (câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán) và câu ghép thường dùng bằng tiếng Ba Na ở tỉnh Kon Tum.
- Nêu và xác định được một số thành phần câu cơ bản (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ) bằng cách trả lời câu hỏi bằng tiếng Ba Na ở tỉnh Kon Tum.
- Có hiểu biết cơ bản về văn hóa, phong tục, tập quán, cách giao tiếp, ứng xử thông thường của đồng bào dân tộc Ba Na ở tỉnh Kon Tum.

2. Kỹ năng

- Có khả năng nghe - hiểu được ý kiến của đồng bào Ba Na ở tỉnh Kon Tum về những vấn đề đơn giản trong cuộc sống. Nghe - hiểu được ý chính của những mẫu chuyện, bản tin ngắn, những bài đơn giản phổ biến kiến thức khoa học, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước bằng tiếng Ba Na ở tỉnh Kon Tum.
- Có khả năng trò chuyện được bằng tiếng Ba Na với đồng bào Ba Na ở tỉnh Kon Tum về những vấn đề gần gũi, thiết thực trong cuộc sống. Nói lại được ý chính của cuộc trao đổi, của những mẫu chuyện, bản tin ngắn, thông báo,... đã nghe, đã đọc bằng tiếng Ba Na ở tỉnh Kon Tum.
- Đọc được rõ ràng, tương đối trôi chảy và trả lời được ý chính của những văn bản ngắn, đơn giản (mẫu truyện, bản tin, bài văn, bài thơ, bài phổ biến khoa học, phổ biến đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam, bài hát...) về tiếng Ba Na ở tỉnh Kon Tum. Thuộc một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, bài văn vắn, bài hát phổ biến của đồng bào dân tộc Ba Na ở tỉnh Kon Tum.
- Viết rõ nét và tương đối đúng chính tả đoạn văn ngắn, bức thư ngắn, thông báo, đoạn văn tự sự hoặc thuyết minh đơn giản bằng tiếng Ba Na ở tỉnh Kon Tum.

3. Thái độ

Ý thức được học tiếng Ba Na là một trong những nhiệm vụ cơ bản của mỗi cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum nhằm góp phần thực hiện có chất lượng và hiệu quả công tác của mỗi cá nhân.

Có thái độ đúng đắn, ủng hộ tích cực, và tích cực, chủ động tham gia trong học tập cũng như vận dụng kiến thức, kỹ năng học được vào trong đời sống sinh hoạt và lĩnh vực công tác của mình với người đồng bào dân tộc thiểu số Ba Na trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

II. THỜI LƯỢNG DẠY HỌC CHUNG: 350 tiết, trong đó lý thuyết: 210 tiết (60%) và thực hành: 140 tiết (40%).

III. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG

Chương trình được thiết kế thành các cụm bài. Mỗi cụm bài ứng với một chủ đề và gồm một số bài học tích hợp với thực tiễn đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội của đồng bào dân tộc Ba Na ở tỉnh Kon Tum. Mỗi bài học đều gồm các phần: Bài học, từ ngữ - ngữ pháp, luyện nghe - luyện nói, luyện viết. Các phần trong bài học liên kết với nhau qua hệ thống chủ đề học tập theo mô hình sau:

- Bài đọc: Rèn cho học viên các kỹ năng đọc, nghe và nói, đồng thời cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt, trang bị cho học viên những hiểu biết cần thiết về đời sống.

- Từ ngữ - ngữ pháp: Giúp học viên mở rộng vốn từ, trang bị những kiến thức sơ giản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng dân tộc, làm nền cho việc rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu.

- Luyện nghe: Rèn cho học viên kỹ năng nghe thông qua các hình thức nghe đọc, nghe kể chuyện, nghe câu hỏi, nghe ý kiến trao đổi của giáo viên, của học viên cùng lớp...

- Luyện nói: Rèn cho học viên kỹ năng nói thông qua các hình thức trả lời câu hỏi; nói theo đề tài,...

- Luyện viết: Rèn kỹ năng viết chữ, viết chính tả câu văn, đoạn văn ngắn; viết bức thư ngắn, mẫu tin, đoạn văn tự sự, thuyết minh,... đơn giản.

- Thời lượng cho một chương, bài tùy thuộc nội dung từng chủ đề. Số tiết dành cho luyện nghe - luyện nói chiếm khoảng 60% thời gian của bài học. Số tiết dành cho bài đọc, từ ngữ - ngữ pháp, luyện viết chiếm khoảng 40% thời gian của bài học.

IV. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

Căn cứ vào quy định của chương trình khung và thực tiễn địa phương, chương trình chi tiết phân lượng cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1 (33 tiết)	A. GIỚI THIỆU CHUNG	3	3	0	
	B. NỘI DUNG CHẶ I. ỦNH HNAM PẶNG HỜDRUNG HỜDRE CH GIA ĐÌNH VÀ DÒNG TỘC {AI 1. TỜ {ỜH PỜRA GAH TỜ 'NGLA GIỚI THIỆU BẢN THÂN {AI 2. TỜ {ỜH PỜRA UNH HNAM – HỜDRUNG HỜDRE CH GIỚI THIỆU VỀ GIA ĐÌNH – DÒNG TỘC {AI 3. ERIH LÂM ĐON BA T U NH HNAM QUAN HỆ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH {AI 4. PỜMAI Y BIA CHỊ Y BIA {AI 5. HNAM TỜNO PẶNG TỜDRONG BỜ JANG GIA ĐÌNH VÀ NGHỀ NGHIỆP {AI 6. U NH HNAM NHÔN. GIA ĐÌNH CHÚNG TÔI TOBẮT HODRA P CHẶ I	28	16	12	
		2	2	0	

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
2 (32 tiết)	<p>CHẶ II. KUENG – PŌLE I</p> <p>XÓM LÀNG</p> <p>{A1 1. TŌDRONG ERIH SA LÂM POLĒI CUỘC SỐNG TRONG LÀNG</p> <p>{A1 2. KHONG YUŌ LÂM ERIH ĐE KON BAHNAR ĐỒ DÙNG SINH HOẠT CỦA NGƯỜI BAHNAR</p> <p>{A1 3. HNAM KŌ'NHŪ KON BAHNAR NHÀ SÀN CỦA NGƯỜI BAHNAR</p> <p>{A1 4. KRĂ PŌLE I GIÀ LÀNG</p> <p>{A1 5. ĐON BẮT PŌLEI PŌLA TÌNH LÀNG NGHĨA XÓM</p> <p>{A1 6. ĐĒH CHAR HŌ{LIH 'NAO QUÊ HƯƠNG ĐỔI MỚI</p> <p>TOBẮT HŌ'DRA P CHẶ II</p>	30	18	12	
		2	2	0	
3 (32 tiết)	<p>CHẶ III. plÁnh Teh p'ng t-drong erih jŪm d'r</p> <p>THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</p> <p>{A1 1. HŌYUH PLEI TEH TŌ CHAR KÔNG MŌMĂT KHÍ HẬU Ở TÂY NGUYÊN</p> <p>{A1 2. BRI KÔNG RỪNG NÚI</p> <p>{A1 3. KRONG ĐAK BLA. SÔNG ĐA K BLA</p> <p>{A1 4. PRING WEI KON KIE K BRI CHAR KÔNG MŌMĂT BẢO VỆ THÚ RỪNG TÂY NGUYÊN</p>	30	26	12	2

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	{A1 5. PRING WEI TÓDRONG ERIH JU M DẮR. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG {A1 6. LUẬT PRING WEI TÓDRONG ERIH JU M DẮR. LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TOBẮT HỒDRA P CHẶL III	2	2	0	
4 (38 tiết)	CHẶL IV. KHÔI JUA T SO 'LÂNG RO KON KÔNG TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ DÂN TỘC {A1 1. HỒBE N AO ĐE KON BAHNAR TRANG PHỤC NGƯỜI BAHNAR {A1 2. TỐXIT O NG MAI ĐÍNH HÔN {A1 3. GÂNG KÖPÔ LỄ HỘI ĐÂM TRÂU * Đi thực tế {A1 4. KHUL CH&NG CHÊNG ĐỘI CÔNG CHIÊNG {A1 5. WEI RA K PƠM LÖLAN TÓDRONG 'LÂNG RO BẢO TỒN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC {A1 6. TÖIUNG TÓDRONG HÖRIH 'NAO XÂY DỰNG NẾP SỐNG MỚI TOBẮT HỒDRA P CHẶL IV.	31	17	12	2
		5	0	5	
		2	2	0	

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
5 (32 tiết)	<p>CHẶ V. TEH ĐAK KON BONGAI VIỆT NAM</p> <p>ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI VIỆT NAM</p> <p>{A1 1. TEH ĐAK VIỆT NAM ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>{A1 2. KON BAHNAR NGƯỜI BAHNAR</p> <p>{A1 3. TỔ DRONG JANG ĐE KON BAHNAR SINH HOẠT CỦA NGƯỜI BAHNAR</p> <p>{A1 4. ĐE 'NHO NG OH HỒDRUNG KON KÔNG CÁC DÂN TỘC ANH EM</p> <p>{A1 5. TỒGUẬT HỒDRUNG BONGAI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC</p> <p>{A1 6. BONGAI KH&N PRAN HỒDRUNG CHAR KÔNG MƠMẬT ANH HÙNG TÂY NGUYÊN</p> <p>TỜ BẮT HỜ DRA P CHẶ V</p>	30	18	12	
		2	2	0	

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
6 (33 tiết)	<p>CHẶ VI. KHUL MU T ĐON – ’{OK HỒ ĐẶNG VÀ BẶC HỒTOBẶT HỒDRA P</p> <p>{AI 1. KHUL MI#NH ĐON KONG SANG VIỆT NAM ĐẶNG CỘNG SẶN VIỆT NAM</p> <p>{AI 2. KHUL M&NH ĐON, {OK HỒ PA NG TỒDRONG TỒGUẶT ĐON ĐẶNG, BẶC HỒ VÀ SỰ ĐOẶN KẾT</p> <p>{AI 3. TỒGUỒ T BỒNGAI LẶM KHUL M&NH ĐON KẾT NẶP ĐẶNG</p> <p>{AI 4. CHẶ TRONG DO NG TEH ĐẶK TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC</p> <p>{AI 5. BỒNGAI PỒGẶR MẶ GỒGẶL NGƯỜI LẶNH TỰ ĐẶU TIỆN</p> <p>{AI 6. TỒDRONG GAH {OK HỒ CHUYỆN BẶC HỒ TOBẶT HỒDRA P CHẶ VI</p>	31	19	12	
		2	2	0	
7 (38 tiết)	<p>CHẶVII. TỒDRONG JANG SA LAO ĐỘNG SẶN XUẶT</p> <p>{AI 1. CHOH CHOI PỒTẶM TRỒNG TRỘT</p> <p>* Đi thực tế</p> <p>{AI 2. TỒDRONG JANG SA CỒNG VIỆC LẶM ĂN</p> <p>{AI 3. TANH BRAI DỆT THỒ CẶM</p> <p>{AI 4. KHỒI JUẶT JANG PỒ’NAM</p>	31	17	12	2
		5	0	0	5

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	<p>TRUYỀN THỐNG LAO ĐỘNG CÁN CÙ</p> <p>{AI 5. BƠ JANG PỜJING LE CH TÔMAM PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT</p> <p>{AI 6. KHÔI JUA T SƠ ĐỀ KON BAHNAR NGHỀ TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC BAHBAR</p> <p>TỜBẮT HỜ'DRA P CHẶL VII</p>	2	2	0	0
8 (38 tiết)	<p>CHẶL VIII. TỜDRONG HLỜH WAO PẶNG BỜTHO PỜ'LẶNG</p> <p>KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC TỜBẮT</p> <p>{AI 1. 'NHẶK TỜDRONG HLỜH WAO LẶM ERIH</p> <p>ĐƯA KHOA HỌC VÀO ĐỜI SỐNG</p> <p>{AI 2. HNAME KỜMA& U NH HỜYUH ĐAK IA LI</p> <p>NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN IA LI</p> <p>{AI 3. PỜTẶM BỜNGAI</p> <p>TRỒNG NGƯỜI</p> <p>* Đi thực tế</p> <p>{AI 4. KHÔI JUẶT GẶT PỜHRẶM</p> <p>TRUYỀN THỐNG HIỆU HỌC</p> <p>{AI 5. BỜNGAI PỜ GẶR HNAME TRỪN</p> <p>NGƯỜI HIỆU TRƯỞNG</p> <p>{AI 6. PA& TU K TỜDRONG LU I KƯỜNH KƯANH</p> <p>BÀI TRỪ MỀ TÍN DỊ ĐOAN</p> <p>HỜ'DRA P CHẶL VIII.</p>	31	17	12	2
		5	0	0	5
		2	2	0	0
9 (38 tiết)	<p>CHẶL IX. WEI WER JỜ'HNGẶM PRAN JA NG</p> <p>CHẶM SỜC SỨC KHỜETỜBẮT</p>	31	17	12	2

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	{AI 1. WEI HỒKÂU PRAN JĂNG GIỮ GÌN CƠ THỂ KHỎE MẠNH {AI 2. NÂR KRAO TOKOI TÔM ĐI ĐA NG TỜNG PÔJUẤT HOKÂU LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THỂ DỤC {AI 3. HNAM PÔGANG BỆNH VIỆN {AI 4. MING TỜDRONG JI# CHỮA BỆNH {AI 5. WEI SÓGAIH DẬT PỜRAN VỆ SINH PHÒNG DỊCH * Đi thực tế {AI 6. PÔGÂT YUÔ MA TU& CAI NGHIỆN MA TÚY HỜ'DRA P CHĂL IX	5	0	0	5
		2	2	0	0
10 (36 tiết)	CHĂL X. PRING WE I TEH ĐAK BẢO VỆ TỔ QUỐC {AI 1. TỜDRONG WEI TEH §AK VIỆC BẢO VỆ TỔ QUỐC {AI 2. BÔ§ 'BÔ§ ĐÔ§I ĐI BỘ ĐỘI {AI 3. CHAR KÔNG MÔMÂT B& LEH KÔ ĐE AYẮT TÂY NGUYÊN BẮT KHUẤT {AI 4. WEI WER TỜTRONG SÔNÊP GIỮ GÌN HÒA BÌNH {AI 5. PRING WEI PÔGÂR SÔNÊP HUAI TỜXU L TỜXĂL BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ	29	17	12	

TT	Nội dung	Số tiết			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	{AI 6. PRING WE I TƠ KẮNG DÊH BẢO VỆ BIÊN GIỚI TƠ BẮT HỒ DRA P CHĂM X ÔN TẬP CUỐI KHOÁ	2 5	2 5		
Tổng cộng		350	200	140	10

V. VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP CHỨNG CHỈ CỦA HỌC VIÊN

Thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

1. Phương thức đánh giá. Việc đánh giá kết quả học tập của học viên được thực hiện theo các phương thức sau:

- Đánh giá thường xuyên (trong mỗi giờ lên lớp).
- Đánh giá định kỳ (cuối mỗi bài, chương).
- Đánh giá cuối khóa: Bài thi có lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định tại Chương trình khung tiếng DTTS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Thời gian thi cuối khóa đối với chương trình bồi dưỡng tiếng DTTS Ba Na là 90 phút cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết;
 - Người học dự thi cuối khóa cần đảm bảo các điều kiện sau:
 - + Đạt điểm trung bình chung các bài kiểm tra (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2) từ 5,0 trở lên tính theo thang điểm 10, không có bài kiểm tra nào dưới 2,0 điểm.
 - + Không nghỉ học quá 20% số tiết so với tổng số tiết của chương trình bồi dưỡng tương ứng.

2. Nguyên tắc đánh giá

- Đánh giá toàn diện kết quả học tập của học viên theo các nội dung được nêu trong Chương trình. Những nội dung được chú trọng như các kỹ năng nghe và nói sẽ được kiểm tra, đánh giá nhiều hơn, thường xuyên hơn; các kỹ năng đọc và viết sẽ được đánh giá ít hơn, với yêu cầu đơn giản hơn.
 - Hình thức đánh giá:
 - + Các kỹ năng nghe, nói, đọc thành tiếng được đánh giá bằng hình thức vấn đáp từng học viên.

+ Các kỹ năng dùng từ, đặt câu, đọc - hiểu được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi mở.

+ Các kỹ năng viết chữ, viết chính tả được đánh giá bằng bài viết.

+ Kỹ năng viết đoạn văn được đánh giá bằng bài viết tự luận.

3. Cấp chứng chỉ

- Cuối khóa học, những học viên đạt yêu cầu học tập được cấp chứng chỉ.

- Việc xét kết quả học tập để cấp chứng chỉ cho học viên cần dựa trên kết quả của cả quá trình học tập và kỳ thi cuối khóa theo quy định (điểm trung bình chung toàn khóa theo thang điểm 10, trong đó: Điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2, điểm thi cuối khóa có hệ số 3). Xếp loại cụ thể như sau:

+ Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 8,0 đến 10 điểm, xếp loại: Giỏi;

+ Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 6,5 đến dưới 8,0 điểm, xếp loại: Khá;

+ Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 5,0 đến dưới 6,5 điểm, xếp loại: Trung bình.

- Người học có điểm thi cuối khóa dưới 5,0 thì được bảo lưu các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ và được phép thi lại 01 lần để đánh giá hoàn thành chương trình.

VI. VỀ CÁC LOẠI HÌNH DẠY HỌC

1. Học tập trung một đợt tại các lớp học theo thời gian quy định trong Chương trình. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

2. Học tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một phần nội dung quy định trong Chương trình. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

3. Học bán tập trung: Học viên vừa công tác vừa theo học một số buổi trong tuần hoặc một số ngày trong tháng. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

4. Tự học có hướng dẫn: Học viên tự học qua tài liệu. Kết thúc mỗi phần được quy định trong Chương trình và tài liệu, học viên được giáo viên hướng dẫn tiếp cho đến hết chương trình học. Kết thúc khoa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ./.
